

CÔNG TY CỔ PHẦN
SON HÀ SÀI GÒN

Số: 13/CV/2023-SHA

V/v: Công bố báo cáo tài chính kiểm
toán Hợp Nhất 2022.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....oOo.....

TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn

Mã chứng khoán : SHIA

Địa chỉ trụ sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Thị Thanh Lan

Địa chỉ trụ sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

- Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn công bố Báo cáo tài chính Hợp Nhất sau kiểm toán năm 2022 gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tình chính .
- Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính Hợp nhất sau kiểm toán so với cùng kỳ.

Thông tin này được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/03/2023 tại đường dẫn <http://sonhasg.com.vn> .

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGÔ THỊ THANH LAN

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022

Tháng 03 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2- 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng Hà	Chủ tịch
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên
Ông Lê Văn Thành	Thành viên
Bà Trịnh Thị Phương Linh	Thành viên
Bà Phạm Thị Uyên	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Ngô Thị Thanh Lan	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Tuấn Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng ban
Bà Lê Hoàng Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Thu Hạnh

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngô Thị Thanh Lan
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Số: 247/2023/UHY -BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 41 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các Quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn tại ngày 31/12/2022 cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Minh Thắng

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4421-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		801.126.740.389	724.929.156.861
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	43.538.153.000	45.176.760.599
Tiền	111		43.538.153.000	45.176.760.599
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	14.968.986.040	14.354.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		14.968.986.040	14.354.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		309.989.638.562	295.294.314.909
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	301.168.772.289	285.430.589.362
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.065.846.673	9.177.659.676
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	6.690.993.049	2.622.039.320
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6, 7	(1.940.913.450)	(1.940.913.450)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4.940.001	4.940.001
Hàng tồn kho	140	8	415.460.963.241	358.220.885.317
Hàng tồn kho	141		415.460.963.241	358.220.885.317
Tài sản ngắn hạn khác	150		17.168.999.546	11.883.196.036
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	3.030.168.389	2.343.684.733
Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.138.831.157	9.529.299.479
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	-	10.211.824
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		219.523.775.018	217.303.174.461
Các khoản phải thu dài hạn	210		545.046.684	545.046.684
Phải thu dài hạn khác	216	7	545.046.684	545.046.684
Tài sản cố định	220		161.214.041.944	142.657.213.227
Tài sản cố định hữu hình	221	9	115.345.530.075	95.332.845.600
- Nguyên giá	222		223.902.859.844	186.362.620.971
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(108.557.329.769)	(91.029.775.371)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	4.083.544.556	3.814.404.712
- Nguyên giá	225		6.345.826.238	5.254.881.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.262.281.682)	(1.440.477.106)
Tài sản cố định vô hình	227	11	41.784.967.313	43.509.962.915
- Nguyên giá	228		55.124.134.444	55.124.134.444
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.339.167.131)	(11.614.171.529)
Tài sản dở dang dài hạn	240		41.013.933.743	51.038.615.834
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	41.013.933.743	51.038.615.834
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	10.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		10.000.000.000	10.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		6.750.752.647	13.062.298.716
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	5.748.066.771	12.216.607.430
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.002.685.876	845.691.286
TỔNG TÀI SẢN	270		1.020.650.515.407	942.232.331.322

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	1.175.091.912.059	982.759.374.807
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	74.218.995.093	55.137.744.099
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.100.872.916.966	927.621.630.708
Giá vốn hàng bán	11	22	957.719.333.560	803.679.412.133
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		143.153.583.406	123.942.218.575
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	7.777.865.422	6.555.815.801
Chi phí tài chính	22	24	33.201.215.220	26.469.842.522
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		32.647.491.662	25.797.232.593
Chi phí bán hàng	25	25	68.786.296.028	62.113.668.576
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	29.273.592.029	23.565.865.849
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.670.345.551	18.348.657.429
Thu nhập khác	31	26	579.776.211	1.775.162.337
Chi phí khác	32	27	105.341.609	151.436.695
Lợi nhuận khác	40		474.434.602	1.623.725.642
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.144.780.153	19.972.383.071
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	2.625.922.507	2.417.016.614
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	(156.994.590)	(300.936.068)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.675.852.236	17.856.302.525
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		17.675.852.236	17.856.302.525
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	528	551
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	528	551

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Lê Hoàng Oanh

Trần Thị Thu Hạnh



Ngô Thị Thanh Lan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	20.144.780.153	19.972.383.071
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	20.074.354.576	17.563.084.183
Các khoản dự phòng	03	-	(207.213.028)
(Lãi)/Lỗ hoạt động đầu tư	05	(728.603.777)	(217.114.168)
Chi phí lãi vay	06	32.647.491.662	25.797.232.593
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	72.138.022.614	62.908.372.651
(Tăng) các khoản phải thu	09	(56.250.282.034)	113.288.180.845
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(57.240.077.924)	(85.895.932.760)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	44.259.928.253	(115.417.525.090)
Tăng/(Giảm) chi phí trả trước	12	5.782.057.003	(3.961.433.482)
Tiền lãi vay đã trả	14	(32.326.432.049)	(25.932.052.037)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.911.364.042)	(3.125.340.028)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(25.548.148.179)	(58.135.729.901)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(18.774.382.086)	(40.351.735.877)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	7.575.758	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(614.986.040)	(42.354.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	18.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	721.028.020	131.951.234
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.660.764.348)	(64.573.784.643)

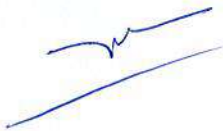
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		1.276.273.326.841	1.161.203.402.847
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.232.031.713.561)	(1.114.618.544.277)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(985.756.352)	(840.297.096)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(685.552.000)	(273.490.909)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		42.570.304.928	45.471.070.565
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.638.607.599)	(77.238.443.979)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	45.176.760.599	122.415.204.578
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	43.538.153.000	45.176.760.599

Người lập



Lê Hoàng Oanh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2023
Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hạnh

Tổng giám đốc



Ngô Thị Thanh Lan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307526635, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 03 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 18 tháng 01 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 334.466.750.000 đồng (Ba trăm ba mươi bốn tỷ bốn trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 21 tháng 01 năm 2013 với mã chứng khoán là SHA. Ngày 23/11/2017, Công ty đã hủy niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội để chuyển sang đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE).

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 292/5 ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại : (84-8) 3710 0101
Fax : (84-8) 6251 9574
Mã số thuế : 0307526635

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình Mã số chi nhánh: 0307526635-002	Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân phú, TP.Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-003	Số 31, Tổ 10, Lô 90, Đường Nguyễn Công Trứ, Thị trấn Liên Nghĩa, H. Đức Trọng, T.Lâm Đồng, Việt Nam.
- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-005	Đại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-008	Thôn Nghĩa Hòa, Xã Đắk Nĩa, Thành Phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-009	Lô 2.10G, đường số 09, KCN Trà Nóc II, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP Cần Thơ, Việt Nam
- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0010	Số 1559 Quốc Lộ 55, KP Long An, TT. Long Điền, H. Long Điền, T. Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
- Chi nhánh Long Khánh – Đồng Nai - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-012	Tổ 10B, ấp Bàu Trâm, Xã Bàu Trâm, Thành Phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-013	Số 7B, Quốc lộ 14, buôn Cour Đăng A, Xã Cour Đăng, Huyện Cư M'gar, Đắk Lắk Việt Nam.
- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0011	Số 052 ấp An Phước, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN (TIẾP)

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-007	Lô 02-B4, KĐT Phước Long - Phường Phước Long - Thành phố Nha Trang - Khánh Hòa
- Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-014	ĐT.741, ấp 1, Xã Tiến Hưng, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
- Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0015	572 Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0016	Số 5/4 Quốc lộ 50, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Phong, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.
- Chi nhánh Biên Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0017	Số 9-11, Lô A10, GĐCB- QĐ4, Phường Tân Phong, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0018	Thôn Thắng Hiệp, Xã Hàm Thắng, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
- Chi nhánh Buôn Mê Thuột - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số CN: 0307526635-0020	18 Thôn 13, Xã Hòa Khánh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Eakar - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0019	Km 56, QL 26, Buôn Tân Sinh, xã Ea Đar, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Bình Long - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0021	Quốc lộ 13, Tổ 10, Ấp Phú Long, Xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước.
- Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0023	93 Đ, Ấp Bình Thành, xã Bình Phú, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
- Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0025	Tổ 17A, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0024	Số 425A, Quốc lộ 30, Tổ 13, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0026	Lô đất số 01-1A, Khu A5, Đường Số 02+03+H6, Phường 1, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0027	Quốc lộ 1A, ấp Tân Tạo, Thị trấn Châu Hưng, Huyện Vĩnh Lợi, Tỉnh Bạc Liêu
- Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0028	Số 03, đường Lê Duẩn, Khu Phố 3, Phường Đài Sơn, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN (TIẾP)

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-029	Áp chợ, Xã Phụng Thạnh, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam
- Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-030	Áp Đồng Tâm, Xã Long Trạch, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Tại ngày 31/12/2021 Công ty có 292 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31/12/2020 là 300 nhân viên).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm là: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty trong vòng 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC CÔNG TY

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Quảng Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Hà (Công ty mẹ) và Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.2 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao là các khoản đầu tư có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định tại ngày báo cáo và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo. Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	03 – 46
Máy móc, thiết bị	04 – 09
Phương tiện vận tải	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 THUÊ TÀI SẢN

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày thuê tài sản, hoặc nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê (nợ gốc) phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên Bảng Cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả còn lại cho từng kỳ kế toán.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (từ 42 đến 47 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng cho thuê nhà.

3.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả phát sinh do mua hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ nhà cung cấp và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng chưa có hoá đơn, hoặc chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu kế toán.

3.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Các quỹ dự trữ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội cổ đông. Từ năm 2015, quỹ dự phòng tài chính không được sử dụng và số dư quỹ này được chuyển sang quỹ đầu tư phát triển.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

3.12 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ chịu thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.15 BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty. Do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ vì vậy, Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một lĩnh vực kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

3.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính 2022 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	9.019.155.402	6.051.009.065
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	34.518.997.598	39.125.751.534
Cộng	43.538.153.000	45.176.760.599

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	14.968.986.040	14.968.986.040	14.968.986.040	14.354.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	14.968.986.040	14.968.986.040	14.354.000.000	14.354.000.000
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (1)	6.642.519.206	6.642.519.206	6.350.000.000	6.350.000.000
+ Ngân hàng Thương mại Công thương Việt Nam (2)	8.326.466.834	8.326.466.834	8.004.000.000	8.004.000.000
Dài hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Trái phiếu (3)	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	24.968.986.040	24.968.986.040	24.968.986.040	24.354.000.000

(1) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Học Môn;

(2) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – phòng giao dịch Phạm Văn Hai;

(3) Trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, kỳ hạn 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	301.168.772.289	(1.740.913.450)	285.430.589.362	(1.740.913.450)
- Công ty TNHH Cơ khí - Thương mại - Dịch vụ Thiên Thành Lợi	39.959.864.947	-	36.377.255.067	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Và Phát triển Hưng Thịnh	16.628.994.642	-	38.217.487.068	-
- Công ty TNHH Xuất nhập nhâu kim loại VINA	64.730.436.926	-	40.192.080.347	-
- Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Thép Hải Phát	34.904.026.016	-	42.108.835.196	-
- Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Minh Ngọc Dương	29.416.423.490	-	38.263.451.570	-
- Công Ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ kỹ thuật Đại Phú Thịnh	23.576.845.477	-	-	-
- Cửa hàng Quý Sơn Hà 2	888.395.216	(888.395.216)	888.395.216	(888.395.216)
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đại Phong Phú	822.711.533	(822.711.533)	822.711.533	(822.711.533)
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu năng lượng Quốc Tế ATH	20.007.133.410	-	-	-
- Các đối tượng khác	70.233.940.632	(29.806.701)	88.560.373.365	(29.806.701)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	301.168.772.289	(1.740.913.450)	285.430.589.362	(1.740.913.450)

c) Phải thu khách hàng là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 33.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	6.690.993.049	(200.000.000)	2.622.039.320	(200.000.000)
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	5.571.268.711	-	1.667.918.466	-
- Ký cược, ký quỹ	159.439.316	-	151.439.316	-
- Các khoản phải thu khác ngắn hạn	960.285.022	(200.000.000)	802.681.538	(200.000.000)
Dài hạn	545.046.684	-	545.046.684	-
- Ký cược, ký quỹ	545.046.684	-	545.046.684	-
Cộng	7.236.039.733	(200.000.000)	3.167.086.004	(200.000.000)

c) Phải thu khác là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 33.1

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	6.706.029.972	-	3.194.322.971	-
Nguyên liệu, vật liệu	181.189.288.762	-	141.651.363.097	-
Công cụ, dụng cụ	76.892.600	-	91.978.510	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.497.671.154	-	6.399.420.718	-
Thành phẩm	70.355.062.486	-	59.600.074.578	-
Hàng hóa	148.636.018.267	-	147.283.725.443	-
Cộng	415.460.963.241	-	358.220.885.317	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2022	79.648.814.077	43.178.563.859	51.073.599.735	12.461.643.300	186.362.620.971
- Mua trong năm	-	3.329.253.464	-	36.656.500	3.365.909.964
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.363.636.364)	-	-	(1.363.636.364)
- Đầu tư XDCB hoàn thành	34.464.998.000	1.072.967.273	-	-	35.537.965.273
31/12/2022	114.113.812.077	46.217.148.232	51.073.599.735	12.498.299.800	223.902.859.844
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2022	(23.006.003.896)	(29.703.917.831)	(31.487.599.487)	(6.832.254.157)	(91.029.775.371)
- Khấu hao trong năm	(7.879.796.907)	(3.406.177.109)	(4.364.650.457)	(1.884.505.683)	(17.535.130.156)
- Thanh lý, nhượng bán	-	7.575.758	-	-	7.575.758
31/12/2022	(30.885.800.803)	(33.102.519.182)	(35.852.249.944)	(8.716.759.840)	(108.557.329.769)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2022	56.642.810.181	13.474.646.028	19.586.000.248	5.629.389.143	95.332.845.600
31/12/2022	83.228.011.274	13.114.629.050	15.221.349.791	3.781.539.960	115.345.530.075

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 53.389.885.379 đồng (tài ngày 01/01/2022 là 58.554.468.182 đồng)

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 số tiền là: 36.997.592.182 đồng (tài 31/12/2021 số tiền là: 25.375.832.992 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2022	5.254.881.818	5.254.881.818
- Thuê TSCĐ thuê tài chính	1.090.944.420	1.090.944.420
31/12/2022	<u>6.345.826.238</u>	<u>6.345.826.238</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2022	(1.440.477.106)	(1.440.477.106)
- Khấu hao trong năm	(821.804.576)	(821.804.576)
31/12/2022	<u>(2.262.281.682)</u>	<u>(2.262.281.682)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2022	<u>3.814.404.712</u>	<u>3.814.404.712</u>
31/12/2022	<u>4.083.544.556</u>	<u>4.083.544.556</u>

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2022	54.061.075.444	1.063.059.000	55.124.134.444
31/12/2022	<u>54.061.075.444</u>	<u>1.063.059.000</u>	<u>55.124.134.444</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2022	(10.812.088.168)	(802.083.361)	(11.614.171.529)
- Khấu hao trong năm	(1.616.330.202)	(108.665.400)	(1.724.995.602)
31/12/2022	<u>(12.428.418.370)</u>	<u>(910.748.761)</u>	<u>(13.339.167.131)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2022	<u>43.248.987.276</u>	<u>260.975.639</u>	<u>43.509.962.915</u>
31/12/2022	<u>41.632.657.074</u>	<u>152.310.239</u>	<u>41.784.967.313</u>

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam tại ngày 31/12/2022 là 4.546.770.835 đồng (tại ngày 01/01/2022 là 4.660.440.111 đồng).

Quyền sử dụng đất 7.064,7 m² tại Xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng số tiền tại ngày 31/12/2022 là 110.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 110.000.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	3.030.168.389	2.343.684.733
- Chi phí trả trước về thuê kho	745.200.007	1.042.783.341
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	414.000.518	309.132.013
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.870.967.864	991.769.379
Dài hạn	5.748.066.771	12.216.607.430
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.082.525.282	3.691.674.192
- Chi phí sửa chữa	1.494.710.278	2.382.964.357
- Tiền thuê đất tại Cần Thơ	1.255.835.360	2.762.837.792
- Chi phí mua bảo hiểm	-	738.288
- Các khoản khác	914.995.851	3.378.392.801
Cộng	8.778.235.160	14.560.292.163

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Xây dựng cơ bản		
- Quyền sử dụng đất (*)	31.072.093.700	31.072.093.700
- Chi phí sửa chữa tại Công ty Công nghiệp Sơn Hà	-	52.727.273
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9.897.816.043	18.550.158.497
- Mua sắm tài sản cố định	44.024.000	1.363.636.364
Cộng	41.013.933.743	51.038.615.834

(*) Bao gồm:

- Quyền sử dụng đất 5.786,5 m² tại xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giá trị chuyển nhượng số tiền: 25.072.093.700 đồng từ năm 2014 đến nay chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất 1.000 m² tại thửa đất số 642, 112/1 ấp Tam Đông, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giá trị chuyển nhượng số tiền: 6.000.000.000 đồng. Hiện Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	94.224.590.692	94.224.590.692	44.794.821.664	44.794.821.664
- Công ty TNHH Posco VST	2.157.397.727	2.157.397.727	4.306.093.593	4.306.093.593
- Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà	1.747.217.740	1.747.217.740	709.006.320	709.006.320
- Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	7.132.172.477	7.132.172.477	12.254.693.421	12.254.693.421
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	60.226.525.251	60.226.525.251	19.704.511.412	19.704.511.412
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tân Sen	12.309.147.707	12.309.147.707	-	-
- Các đối tượng khác	10.652.129.790	10.652.129.790	7.820.516.918	7.820.516.918
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	94.224.590.692	94.224.590.692	44.794.821.664	44.794.821.664

c) Phải trả người bán là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 33.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	401.356.240	6.197.756.653	5.656.016.579	943.096.314
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	160.240.440	160.240.440	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	472.619.633	2.625.922.507	1.911.364.042	1.187.178.098
- Thuế thu nhập cá nhân	22.386.099	289.348.055	263.350.711	48.383.443
Cộng	896.361.972	9.273.267.655	7.990.971.772	2.178.657.855
	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập cá nhân	3.611.824	3.611.824	-	-
- Các loại thuế khác	6.600.000	13.600.000	7.000.000	-
Cộng	10.211.824	17.211.824	7.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a, Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	499.580.500.143	499.580.500.143	1.277.165.426.799	1.232.923.813.519	455.338.886.863	455.338.886.863
Vay ngắn hạn	498.740.203.047	498.740.203.047	1.276.325.129.703	1.228.424.908.423	450.839.981.767	450.839.981.767
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn (1)	174.023.381.804	174.023.381.804	340.067.132.150	306.183.461.284	140.139.710.938	140.139.710.938
- Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn (2)	135.365.049.665	135.365.049.665	262.236.614.070	221.547.090.088	94.675.525.683	94.675.525.683
- Ngân hàng TCMP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (3)	69.859.680.745	69.859.680.745	318.272.702.579	345.895.797.705	97.482.775.871	97.482.775.871
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (4)	119.492.090.833	119.492.090.833	355.748.680.904	354.798.559.346	118.541.969.275	118.541.969.275
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	-	-	-	3.658.608.000	3.658.608.000	3.658.608.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn Hớn	-	-	-	208.888.000	208.888.000	208.888.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	-	-	-	3.449.720.000	3.449.720.000	3.449.720.000
Nợ thuế tài chính (5)	840.297.096	840.297.096	840.297.096	840.297.096	840.297.096	840.297.096
- Nợ dài hạn đến hạn trả (dưới 1 năm)	840.297.096	840.297.096	840.297.096	840.297.096	840.297.096	840.297.096
b, Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	1.598.208.866	1.598.208.866	1.090.944.474	985.756.352	1.493.020.744	1.493.020.744
Nợ thuế tài chính (5)	1.598.208.866	1.598.208.866	1.090.944.474	985.756.352	1.493.020.744	1.493.020.744
- Nợ dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	1.598.208.866	1.598.208.866	1.090.944.474	985.756.352	1.493.020.744	1.493.020.744
501.178.709.009	501.178.709.009	1.278.256.371.273	1.233.909.569.871	456.831.907.607	456.831.907.607	456.831.907.607

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thuyết minh chi tiết cho các khoản vay:

- (1) Khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 34/2022-HĐCVHM/NHCT944-SHA ngày 19/10/2022 với các điều khoản cụ thể:
 - Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Hạn mức: 200.000.000.000 đồng;
 - Thời gian duy trì hạn mức: kể từ ngày 20/10/2022 đến ngày 20/10/2023;
 - Lãi suất áp dụng theo lãi suất thoả thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần;
 - Các biện pháp đảm bảo: hợp đồng thế chấp bất động sản số 17/2015-HĐTC/NHCT944-SH ngày 02/06/2015, hợp đồng cầm cố số 124/HĐCC ngày 14/06/2016 và hợp đồng cầm cố số 40-2015/HĐCCCP/PVH ngày 28/08/2015, hợp đồng bảo đảm số 49/2021/HĐBĐ/NHCT944-SHA ngày 18/11/2021, hợp đồng bảo đảm số 73/2021/HĐBĐ/NHCT944-SHA ngày 30/12/2021, hợp đồng số 56/HĐTC ngày 14/03/2017.
- (2) Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2022/7015218/HĐTD tháng 10 năm 2022 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hóc Môn với các điều khoản cụ thể:
 - Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Hạn mức: 150.000.000.000 đồng;
 - Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - Lãi suất áp dụng theo lãi suất trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng kỳ;
 - Các biện pháp đảm bảo: Các thoả thuận về biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này mà điều khoản về phạm vi bảo đảm của (các) Hợp đồng bảo đảm bao gồm hợp đồng này.
- (3) Khoản vay theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 02/CV-0001/KHDN/22 ngày 21/11/2022 kèm theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0001/KHDN/22 ký ngày 21/01/2022 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng với các điều khoản cụ thể:
 - Mục đích: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định;
 - Hạn mức: 100.000.000.000 đồng;
 - Ngày đáo hạn: 21/11/2023;
 - Lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.
- (4) Khoản vay theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 18/2022-HĐCVHN/NHCT482-SONHACHULAI ngày 03/03/2022 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam và Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai với điều khoản cụ thể:
 - Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 đồng - Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- Lãi suất và thời hạn cho vay được ghi cụ thể trên từng Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng đối với mảng sản xuất và không quá 3 tháng đối với mảng thương mại.
- Thời hạn duy trì hạn mức: 03/03/2022 đến hết ngày 25/02/2023
- Biện pháp đảm bảo: Hợp đồng hạn mức tín dụng được đảm bảo bằng:
 - + Hợp đồng thế chấp động sản số 73-2015/HĐTC-KHDN ngày 27/10/2015
 - + Hợp đồng thế chấp động sản số 74-2015/HĐTC-KHDN ngày 27/10/2015
 - + Hợp đồng thế chấp quyền tài sản, hàng hóa số 081-2015/HĐTC-KHDN ngày 30/11/2015
 - + Hợp đồng thế chấp động sản số 108/2018/HĐBĐ/NHCT482 ngày 25/12/2018
 - + Hợp đồng thế chấp động sản số 111/2018/HĐBĐ/NHCT482 ngày 25/12/2018

(5) Thuê tài chính theo các hợp đồng sau đây:

- (5.1) Thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 126.19.02/CTTC ngày 18/03/2019, giữa Công ty và Công ty cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội để thanh toán tiền mua máy ép thủy lực song động với lãi suất áp dụng theo từng hợp đồng cho thuê tài chính và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng một lần.
- (5.2) Thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 96.20.03/CTTC ngày 29/07/2020, giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM để thuê xe Ford Everest Titanium và xe Ranger XLS AT 2.2L nhằm mục đích phục vụ hoạt động chung của Công ty. Lãi suất được áp dụng từ thời điểm giải ngân đầu tiên và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng một lần.
- (5.3) Là khoản thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.026/2022/TSC - CTTC ngày 04/04/2022 giữa Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai
- Giá trị tài sản thuê (tạm tính - có VAT) là: 1.472.727.273 đồng, bao gồm:
 - + 1 máy khuôn ép cổ bồn 350: 638.181.818 đồng;
 - + 1 máy khuôn ép dưng hình 350: 834.545.455 đồng."
 - Thời hạn thuê: 60 tháng, từ ngày 13/04/2022 đến hết ngày 13/04/2027
 - Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
 - Lãi suất cho thuê áp dụng trong tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,5%/năm, thời gian ưu đãi lãi suất không quá 31/12/2022. Sau ngày 31/12/2022, lãi suất cho thuê được xác định bằng trần lãi suất huy động VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau đối với khách hàng cá nhân cộng với biên độ 5% của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần.
 - Lịch thanh toán tiền thuê được quy định trong Phụ lục Hợp đồng số 01 Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.026/2022/TSC-CTTC ngày 18/04/2022
 - Hợp đồng không có bảo lãnh, thế chấp, cầm cố.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	7.369.013.759	18.935.499.491
- Chi phí trích trước hàng khuyến mại	4.475.983.460	14.153.734.682
- Chi phí lãi vay	673.485.703	4.429.338.719
- Chi phí phải trả khác	2.219.544.596	352.426.090
Dài hạn	-	-
Cộng	7.369.013.759	18.935.499.491

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	956.313.294	532.457.999
- Tài sản thừa chờ giải quyết	215.740.481	25.312.603
- Kinh phí công đoàn	574.149.244	120.250.848
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	166.423.569	386.894.548
Dài hạn	242.919.000	300.919.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	242.919.000	300.919.000
Cộng	1.199.232.294	833.376.999

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2021	318.539.760.000	(250.000.000)	12.175.510.997	52.496.124.286	382.961.395.283	-	17.856.302.525	17.856.302.525	-	17.856.302.525
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	(17.966.157.086)	(17.966.157.086)	-	(16.454.871.012)
- Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	1.511.286.074	-	-	-	(1.511.286.074)	(1.511.286.074)	-	-
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.511.286.074	-	-	-	(251.881.012)	(251.881.012)	-	(251.881.012)
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(15.926.990.000)	(15.926.990.000)	-	-
+ Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu	15.926.990.000	-	-	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)	-	(276.000.000)
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
31/12/2021	334.466.750.000	(250.000.000)	13.686.797.071	52.386.269.725	400.289.816.796	-	17.675.852.236	17.675.852.236	-	17.675.852.236
01/01/2022	334.466.750.000	(250.000.000)	13.686.797.071	52.386.269.725	400.289.816.796	-	(16.999.337.500)	(16.999.337.500)	-	(276.000.000)
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)	-	(276.000.000)
- Phân phối lợi nhuận trong năm (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Chia cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-	(16.723.337.500)	(16.723.337.500)	-	(16.723.337.500)
31/12/2022	334.466.750.000	(250.000.000)	13.686.797.071	53.062.784.461	400.966.331.532	-	-	-	-	-

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 24/2022/NQ-ĐHCD ngày 27/04/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng Hợp Lê Gia	50.108.880.000	50.108.880.000
Ông Lê Hoàng Hà	28.795.530.000	28.795.530.000
Các Cổ đông khác	255.562.340.000	255.562.340.000
Cộng	334.466.750.000	334.466.750.000

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	334.466.750.000	318.539.760.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	15.926.990.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	334.466.750.000	334.466.750.000
Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	16.723.337.500	15.926.990.000

19.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2022	01/01/2022
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.446.675	33.446.675
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.446.675	33.446.675
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	33.446.675	33.446.675
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.446.675	33.446.675
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	33.446.675	33.446.675
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

19.5 CÁC QUỸ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	13.686.797.071	13.686.797.071

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.175.091.912.059	982.759.374.807
Cộng	1.175.091.912.059	982.759.374.807

b) Doanh thu bán hàng với bên liên quan: Chi tiết tại thuyết minh số 33.1

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chiết khấu thương mại	69.000.827.589	52.655.275.698
Hàng bán bị trả lại	5.218.167.504	2.482.468.401
Cộng	74.218.995.093	55.137.744.099

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	957.719.333.560	803.679.412.133
Cộng	957.719.333.560	803.679.412.133

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.345.222.669	217.114.168
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	9.983.943	4.326.313
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	6.422.658.810	6.334.375.320
Cộng	7.777.865.422	6.555.815.801

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	32.647.491.662	25.797.232.593
Chiết khấu thanh toán	83.747.144	110.466.553
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	469.976.414	562.143.376
Cộng	33.201.215.220	26.469.842.522

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	29.273.592.029	23.565.865.849
Chi phí nhân viên	8.715.422.509	7.266.619.554
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	352.419.999	378.580.251
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.572.828.148	2.819.180.476
Chi phí dự phòng	-	(200.000.000)
Chi phí thuế	8.365.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.149.098.085	3.831.295.471
Chi phí quản lý khác	14.475.458.288	9.465.190.097
Các khoản chi phí bán hàng	68.786.296.028	62.113.668.576
Chi phí nhân viên	36.800.443.260	38.500.274.671
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.602.386.240	2.550.667.747
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.288.181.045	8.594.177.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.921.471.353	3.050.971.979
Chi phí bán hàng khác	16.173.814.130	9.417.576.683

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	7.575.758	-
Các khoản khác	572.200.453	1.775.162.337
Cộng	579.776.211	1.775.162.337

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản chi phí khác	105.341.609	151.436.695
Cộng	105.341.609	151.436.695

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu	165.520.074.307	438.777.008.264
Chi phí nhân công	53.188.200.563	53.440.337.186
Khấu hao tài sản cố định	19.584.040.224	17.960.110.686
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.724.888.048	9.809.943.791
Chi phí bằng tiền khác	31.982.171.237	20.746.814.202
Cộng	277.999.374.379	540.734.214.129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.625.922.507	2.417.016.614
<i>Trong đó:</i>		
+ Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	1.754.231.899	1.333.784.640
+ Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	871.690.608	1.083.231.974
+ Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà	-	-
	2.625.922.507	2.417.016.614

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chênh lệch giá trị ghi sổ hàng tồn kho Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn bán cho Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	714.445.609	851.668.414
Chênh lệch giá trị ghi sổ hàng tồn kho Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai bán cho Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn chưa bán ra bên ngoài	17.195.935.074	13.507.152.065
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	17.195.935.074	14.358.820.479
<i>Trong đó:</i>		
+ Lợi nhuận chịu thuế TNDN 20%	714.445.609	851.668.414
+ Lợi nhuận chịu thuế TNDN 5%	17.195.935.074	13.507.152.065
Thuế TNDN hoãn lại ước tính	(1.002.685.876)	(845.691.286)
Thuế TNDN hoãn lại kỳ trước	845.691.286	544.755.218
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(156.994.590)	(300.936.068)

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	17.675.852.236	17.856.302.525
Chi thù lao HĐQT, BKS	-	276.000.000
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	31.893.248	31.893.248
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	554	551

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2021 đã được điều chỉnh do chi thù lao HĐQT, BKS năm 2021 theo Nghị Quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2022 số 24/2022/NQ-ĐHCD ngày 27/04/2022. Theo đó, chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 là 511 VND/CP (số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 trước điều chỉnh là 560 VND/CP).

Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 chưa có số liệu để chi thù lao HĐQT, BKS năm 2022. Số liệu trích lập sẽ căn cứ vào nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

32. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

33. THÔNG TIN KHÁC

33.1 NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm tài chính 2022 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (SHI)	Ông Lê Hoàng Hà là em ruột Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Công ty con 51,59% vốn của SHI
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT

Thu nhập của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	853.497.000	836.236.000
1. TGD: Bà Ngô Thị Thanh Lan	440.139.000	441.265.000
2. PTGD: Ông Hoàng Tuấn Thanh	413.358.000	394.971.000
Thù lao của Hội đồng quản trị	204.000.000	204.000.000
1. Chủ tịch: Lê Hoàng Hà	60.000.000	60.000.000
2. Thành Viên: Lê Văn Ngà	36.000.000	36.000.000
3. Thành Viên: Nguyễn Văn Thuận	-	11.540.000
4. Thành Viên: Lê Văn Thành	36.000.000	36.000.000
5. Thành Viên: Lê Thị Thu Thủy	-	11.540.000
6. Thành Viên: Trịnh Thị Phương Linh	36.000.000	24.460.000
7. Thành Viên: Phạm Thị Uyên	36.000.000	24.460.000
Thù lao Ban Kiểm soát	72.000.000	72.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà		
Đi thuê tài sản	-	121.134.540
Mua tài sản	-	31.818.182
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà		
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	-	300.000.000
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	9.138.199.605	6.864.962.362
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam		
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	259.877.339.593	272.333.029.095
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	400.000	645.120
Chiết khấu thanh toán	6.422.658.810	6.303.540.120
Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà Bếp Sơn Hà		
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	2.614.501.005	7.080.776.786
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh		
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	621.299.963.265	459.002.287.663
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	1.668.189.276	1.533.984.750

Số dư với các bên liên quan

	<u>31/12/2022</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2022</u> <u>VND</u>
Phải thu khách hàng		
- Công ty Cổ Phần Quốc tế Sơn Hà	2.283.675.897	2.712.402.125
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	671.002.090	9.557.660.732
- Công ty Cổ Phần ĐTPT Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	-	617.175.249
Phải trả nhà cung cấp		
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	-	428.726.228
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	1.747.217.740	784.288.210
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	7.132.172.477	12.254.693.421
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà Bếp Sơn Hà	290.875.502	1.897.382.607
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	61.174.710.302	19.704.511.412

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.2 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty. Do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ vì vậy Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một lĩnh vực kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực : Hàng gia dụng.
- Lĩnh vực : Hàng công nghiệp.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm 2022	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	412.292.857.442	688.580.059.524	1.100.872.916.966
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	412.292.857.442	688.580.059.524	1.100.872.916.966
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	116.489.400.908	26.664.182.498	143.153.583.406
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(98.059.888.057)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			45.093.695.349
Doanh thu hoạt động tài chính			7.777.865.422
Chi phí tài chính			(33.201.215.220)
Thu nhập khác			579.776.211
Chi phí khác			(105.341.609)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(2.625.922.507)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			156.994.590
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			17.675.852.236

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.2 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Năm 2021	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	418.213.560.525	509.408.070.183	927.621.630.708
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	418.213.560.525	509.408.070.183	927.621.630.708
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	103.409.219.134	20.532.999.441	123.942.218.575
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(85.679.534.425)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			38.262.684.150
Doanh thu hoạt động tài chính			6.555.815.801
Chi phí tài chính			(26.469.842.522)
Thu nhập khác			1.775.162.337
Chi phí khác			(151.436.695)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(2.417.016.614)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			300.936.068
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			17.856.302.525

Do đặc thù hoạt động kinh doanh nên Ban Tổng Giám đốc không tách được tài sản và nợ phải trả cho hoạt động kinh doanh hàng gia dụng và hoạt động kinh doanh hàng công nghiệp. Theo đó, Ban Tổng giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không tách và trình bày tài sản và nợ phải trả cho hoạt động kinh doanh hàng gia dụng và hoạt động kinh doanh hàng công nghiệp là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

33.3 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

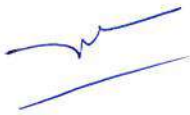
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

Người lập



Lê Hoàng Oanh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hạnh

Tổng giám đốc



Ngô Thị Thanh Lan